BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2011/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số Vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUY ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các mục tiêu và yêu cầu cơ bản đối với việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng, ban hành hoặc đề nghị công bố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lĩnh vực thông tin và truyền thông: các lĩnh vực xuất bản, bưu chính, viễn thông (bao gồm cả internet, truyền dẫn và phát sóng phát thanh truyền hình), tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, điện tử, cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sau đây gọi tắt là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia): là quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và ban hành. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm các quy định kỹ thuật bắt buộc áp dụng và các quy định về quản lý nhằm bảo đảm các mục tiêu quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với đối tượng quy chuẩn kỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sau đây gọi tắt là tiêu chuẩn quốc gia): là tiêu chuẩn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và đề nghị công bố. Tiêu chuẩn quốc gia xác định các yêu cầu kỹ thuật đối với đối tượng tiêu chuẩn và được áp dụng trên cơ sở tự nguyện.

4. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn: là sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và được xác định cụ thể trong phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn.

Chương II
MỤC TIÊU XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 4. Mục tiêu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông nhằm bảo đảm các mục tiêu quản lý nhà nước sau:

1. Bảo đảm an toàn cho con người và môi trường trong quá trình lắp đặt, khai thác, sử dụng sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ.

2. Bảo vệ sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống đối với các ảnh hưởng có hại.

3. Bảo đảm khả năng hoạt động liên thông giữa thiết bị người sử dụng với thiết bị mạng của nhà khai thác và giữa thiết bị mạng của các nhà khai thác khác nhau.

4. Bảo đảm sự phát triển bền vững của toàn bộ mạng, hệ thống và đáp ứng các mục tiêu công ích.

5. Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

Điều 5. Mục tiêu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và đề nghị công bố các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để khuyến khích áp dụng nhằm bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong phạm vi toàn quốc; bảo đảm sự chủ động và tăng cường tính cạnh tranh của doanh nghiệp trong việc phát triển mạng và cung cấp dịch vụ. Tiêu chuẩn quốc gia không được trái với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và có một số mục tiêu cụ thể sau:

1. Đáp ứng mục tiêu chức năng, công dụng, chất lượng: xác định các công nghệ, đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ ở mức tiên tiến và phù hợp để áp dụng tại Việt Nam.

2. Đáp ứng mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả: xác định các quy tắc thực hành tiên tiến để áp dụng trong các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam.

3. Đáp ứng mục tiêu thông tin, thông hiểu: phổ biến và tăng cường hiểu biết và áp dụng về sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình.

4. Đáp ứng mục tiêu giảm chủng loại, đổi lẫn: cho phép lựa chọn một số lượng tối ưu các kích cỡ hay chủng loại của sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, quá trình; có thể sử dụng thay thế lẫn nhau mà vẫn đáp ứng cùng yêu cầu.

Chương III
ĐỐI TƯỢNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 6. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông bao gồm:

a) Sản phẩm bưu chính: tem bưu chính;

b) Thiết bị: thiết bị đầu cuối; thiết bị vô tuyến điện; thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện; thiết bị công nghệ thông tin; thiết bị điện tử;

c) Mạng, hệ thống: thiết bị mạng; thiết bị đo lường tính giá cước; kết nối mạng viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; đài vô tuyến điện; hệ thống công nghệ thông tin;

d) Dịch vụ: dịch vụ bưu chính công ích; dịch vụ viễn thông (công ích, cơ bản, giá trị gia tăng có ảnh hưởng lớn đến xã hội); dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Quá trình: lắp đặt, vận hành, quản lý, đo kiểm sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ nêu tại các điểm a), b), c), d) khoản 1 Điều này.

e) Các đối tượng khác theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ.

2. Các quy định kỹ thuật cơ bản

a) Đối với sản phẩm bưu chính nêu tại điểm a) khoản 1 Điều này:

Quy định kỹ thuật về hình dạng, kích thước, chất liệu, nội dung bắt buộc, bố cục nội dung trên tem bưu chính.

b) Đối với thiết bị nêu tại điểm b) khoản 1 Điều này:

Quy định kỹ thuật về giao diện kết nối thiết bị đầu cuối với mạng; quy định kỹ thuật về phổ tần số, tương thích điện từ trường; quy định kỹ thuật về an toàn (an toàn điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện...).

c) Đối với mạng, hệ thống nêu tại điểm c) khoản 1 Điều này:

Quy định kỹ thuật về an toàn (an toàn cơ học, an toàn điện, tiếp đất, chống sét, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn thông tin...); quy định kỹ thuật về giao diện kết nối, chất lượng kết nối giữa các mạng, hệ thống của các nhà khai thác; quy định kỹ thuật bảo đảm sự phát triển bền vững của mạng, hệ thống và đáp ứng các mục tiêu công ích;

d) Đối với dịch vụ nêu tại điểm d) khoản 1 Điều này:

Quy định kỹ thuật về năng lực cung cấp và hỗ trợ sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp (chỉ tiêu chất lượng phục vụ) và quy định kỹ thuật về năng lực thông tin, truyền thông của chính dịch vụ (chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật).

đ) Đối với các quá trình nêu tại điểm đ) khoản 1 Điều này:

Các quy tắc thực hành thiết yếu nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình lắp đặt, vận hành, quản lý, đo kiểm sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ.

Điều 7. Đối tượng tiêu chuẩn quốc gia

1. Đối tượng tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông bao gồm:

a) Sản phẩm, thiết bị: xuất bản phẩm; thiết bị, sản phẩm bưu chính; thiết bị viễn thông; thiết bị vô tuyến điện; thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện; thiết bị điện tử; sản phẩm công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm);

b) Mạng, hệ thống: mạng viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; hệ thống công nghệ thông tin;

c) Dịch vụ: dịch vụ bưu chính; dịch vụ viễn thông; dịch vụ ứng dụng viễn thông (bao gồm dịch vụ ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình và các lĩnh vực khác); dịch vụ công nghệ thông tin;

d) Quá trình: các quá trình thiết kế, lắp đặt, vận hành, quản lý, bảo dưỡng, đo kiểm sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ.

2. Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản

a) Đối với sản phẩm, thiết bị quy định tại điểm a) khoản 1 Điều này:

Các đặc điểm kỹ thuật, yêu cầu về tính năng của sản phẩm, thiết bị (bao gồm cả phần cứng và phần mềm); các yêu cầu về an toàn thông tin.

b) Đối với mạng, hệ thống quy định tại điểm b) khoản 1 Điều này:

Các đặc điểm kỹ thuật, yêu cầu về cấu hình, chức năng, chất lượng của mạng, hệ thống; các quy định về khuôn dạng, lưu trữ, xử lý, trình bày thông tin; các yêu cầu về trao đổi dữ liệu điện tử; các yêu cầu về an toàn thông tin.

c) Dịch vụ quy định tại điểm c) khoản 1 Điều này:

Các yêu cầu về chất lượng dịch vụ.

d) Quá trình quy định tại điểm d) khoản 1 Điều này:

Các quy tắc thực hành tiên tiến trong thiết kế, lắp đặt, vận hành, quản lý, bảo dưỡng, đo kiểm sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ YÊU CẦU TRONG XÂY DỰNG DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 8. Đăng ký kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Quý II hàng năm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ nhu cầu áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đăng ký kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia cho năm sau về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp. Kế

hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia bao gồm cả việc soát xét, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia phải gửi kèm theo dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc.

3. Mẫu đăng ký kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Mẫu đăng ký kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Mẫu dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Thông tin về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và công bố trên trang tin điện tử quyết định về việc phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn.

Điều 10. Triển khai xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự và yêu cầu như sau:

1. Chỉ định chủ trì dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia. Chủ trì dự thảo có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cho tới khi dự thảo được ban hành, công bố.

2. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia đúng nội dung, tiến độ như kế hoạch và dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia đã phê duyệt.

3. Báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông khi có điều chỉnh về chủ trì dự thảo, nội dung, tiến độ của kế hoạch và báo cáo các nội dung thực hiện theo yêu cầu.

4. Bảo đảm sự tham gia góp ý của các bên liên quan và các cơ quan phối hợp (đã nêu trong dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia) đối với các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia.

5. Xây dựng hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia đầy đủ theo quy định tại khoản 1, Điều 10 và khoản 1, Điều 5 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

6. Tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; tổ chức hoàn chỉnh các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia và hồ sơ (02 bộ) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện các thủ tục thẩm định, ban hành hoặc công bố.

7. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn chỉnh các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia trong quá trình thẩm định, ban hành hoặc công bố.

Điều 11. Yêu cầu đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia phải tuân thủ những yêu cầu cơ bản sau:

a) Đáp ứng đúng mục tiêu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này;

b) Bảo đảm tính thống nhất, không có mâu thuẫn trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia;

c) Các quy định kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật phải có khả năng đo kiểm, đánh giá được một cách khách quan; trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải xác định rõ phương pháp đo kiểm, đánh giá;

d) Các quy định kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật phải được diễn đạt chính xác, súc tích và đơn nghĩa.

2. Quy định đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế:

a) Ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (sau đây gọi chung là tiêu chuẩn quốc tế) đã được áp dụng rộng rãi;

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chấp nhận một tiêu chuẩn quốc tế được thể hiện trong lời nói đầu là "quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có các quy định kỹ thuật và phương pháp đo thử phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế";

c) Tiêu chuẩn quốc gia chấp nhận một tiêu chuẩn quốc tế với bố cục và nội dung cơ bản của tiêu chuẩn quốc tế được giữ nguyên và chuyển nguyên vẹn sang

tiêu chuẩn quốc gia được thể hiện trong lời nói đầu là "tiêu chuẩn quốc gia hoàn toàn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế" và được ghi ký hiệu tương đương với tiêu chuẩn quốc tế;

d) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia chấp nhận từ hai tiêu chuẩn quốc tế trở lên được thể hiện trong lời nói đầu là "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế".

3. Thể thức trình bày của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thực hiện như sau:

a) Trình bày và thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo TCVN 1 - 2 và các hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Yêu cầu đối với tài liệu khác trong hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia (sau đây viết tắt là QCVN/TCVN) được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phiếu trưng cầu ý kiến đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phiếu đánh giá dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Biên bản họp Hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Kinh phí triển khai công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: kinh phí lập kế hoạch, rà soát, sửa đổi, xây dựng, thẩm định, trình duyệt, đăng ký, xuất bản, phát hành, phổ biến, kiểm tra và đánh giá.

2. Kinh phí triển khai công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ và các hoạt động khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Việc sử dụng kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối tổng hợp, đề xuất kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hàng năm trình Bộ trưởng phê duyệt;

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia theo đúng nội dung, tiến độ;

c) Tổ chức thẩm định và trình duyệt ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia.

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Đề xuất, chủ trì xây dựng hoặc phối hợp xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực trách nhiệm được phân công để phục vụ các mục tiêu quản lý của Bộ do đơn vị triển khai;

b) Đề xuất việc soát xét, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực, trách nhiệm được phân công một cách thường xuyên. Đề xuất sửa đổi kịp thời các điểm không phù hợp trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, nếu phát hiện trong quá trình áp dụng.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011 và thay thế cho Quyết định số 27/2001/QĐ-TCBĐ ngày 09/01/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện ban hành Quy định về việc xây dựng, ban hành và công bố tiêu chuẩn trong ngành Bưu điện.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục I

MẪU ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN) NĂM:.....

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/Đối tượng QCVN	Tên QCVN	Loại QCVN [b]	Tổ chức biên soạn xây dựng dự thảo QCVN [c]	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác
1	**Chuyên ngành thông tin và truyền thông**								
1.1	**Lĩnh vực [a]...**								
1.1.1		.....							
		.....							
1.2	**Lĩnh vực...**								
1.2.1		.....							
		.....							

Ghi chú:

- [a] Lĩnh vực: ghi "Bưu chính", "Viễn thông", "Công nghệ thông tin", "điện tử"...

- [b] Loại QCVN: ghi "Quy chuẩn kỹ thuật chung", "Quy chuẩn kỹ thuật an toàn", "Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình", "Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ", "Quy chuẩn kỹ thuật khác"

- [c] Tổ chức biên soạn: ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo QCVN (hoặc để trống nếu không đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo)

- Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo QCVN, gửi kèm các Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo mẫu tại Phụ lục II.

Phụ lục II

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên gọi QCVN: .....

.....

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN: .....

.....

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Tên cơ quan chủ quản *(nếu có)*: .....

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước

a) Trong nước:

.....

.....

b) Ngoài nước:

.....

.....

5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

+ Bảo đảm an toàn cho con người và môi trường ☐

+ Bảo đảm sự phát triển bền vững của toàn bộ mạng, hệ thống và đáp ứng các mục tiêu công ích ☐

+ Bảo vệ sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống đối với các ảnh hưởng có hại ☐

+ Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ ☐

+ Bảo đảm khả năng hoạt động liên thông giữa thiết bị, mạng ☐

+ Các mục tiêu quản lý khác *(ghi rõ mục tiêu quản lý)* ☐

- QCVN dùng để: Chứng nhận hoặc công bố hợp quy ☐

- Căn cứ và nội dung quản lý nhà nước có liên quan

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên:

.....

.....

.....

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực:

.....

+ Các yêu cầu quản lý khác:

.....

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

+ Quy chuẩn kỹ thuật chung ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật an toàn ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật khác ☐

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý ☐

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ ☐

+ Tương thích điện từ trường ☐

+ An toàn thông tin ☐

+ An toàn điện ☐

+ An toàn bức xạ ☐

+ Các lĩnh vực an toàn khác ☐

- Bố cục, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):

.....

.....

.....

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: ☐ có ☐ không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

.....

.....

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn ☐

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác ☐

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác ☐

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (*bản sao kèm theo*):

.....

.....

.....

9. Kiến nghị ban soạn thảo QCVN

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCVN ☐

(tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCVN)

.....

.....

- Ban soạn thảo soạn thảo QCVN ☐

(dự kiến thành viên ban soạn thảo)

.....

.....

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:

.....

.....

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:

.....

.....

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:

.....

.....

.....

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN		
2	Biên soạn dự thảo QCVN: - lấy ý kiến chuyên gia, - khảo nghiệm dự thảo, - hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
7	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: .....

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:.....

(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác: .....

b) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (gửi kèm).

....., ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCVN

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục III
MẪU ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký kế hoạch xây dựng TCVN:

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA NĂM:.....

TT	Lĩnh vực/ Đối tượng TCVN	Tên TCVN	Phương thức xây dựng TCVN [b]	Tổ chức biên soạn xây dựng dự thảo TCVN [c]	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác
1	Chuyên ngành thông tin và truyền thông								
1.1	Lĩnh vực [a] ...								
1.1.1		.....							
		.....							
1.2	Lĩnh vực...								
1.2.1		.....							
		.....							

Ghi chú:

- [a] Lĩnh vực: ghi "Xuất bản", "Bưu chính", "Viễn thông", "Công nghệ thông tin", "điện tử"...

- [b] Phương thức xây dựng TCVN: ghi "Xây dựng mới", "Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế", "Sửa đổi, bổ sung", "Thay thế", kèm theo là thông tin cụ thể về tiêu chuẩn quốc tế sẽ tham khảo hoặc chấp nhận; tiêu chuẩn quốc gia sẽ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- [c] Tổ chức biên soạn: ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo TCVN (hoặc để trống nếu không đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo)

- Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng dự thảo TCVN, gửi kèm các Dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo mẫu tại Phụ lục IV.

Phụ lục IV

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

1. Tên tiêu chuẩn.....

.....

2. Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn

.....

.....

3. Tổ chức (hoặc cá nhân) đề nghị

Tên tổ chức (cá nhân).....

Địa chỉ .....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Tên cơ quan chủ quản: (nếu có) .....

4. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước

a) Trong nước

.....

.....

b) Ngoài nước

.....

.....

5. Lý do và mục đích xây dựng TCVN

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Thông tin, thông hiểu	☐	+ Tiết kiệm	☐
+ An toàn, sức khỏe, môi trường	☐	+ Giảm chủng loại	☐
+ Đổi lẫn	☐	+ Chức năng, công dụng, chất lượng	☐
+ Các mục đích khác (ghi dưới)	☐		

.....

.....

- Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? ☐ có ☐ không

- Căn cứ

+ Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không? ☐ có ☐ không

+ Thuộc chương trình nào?

+ Yêu cầu hài hòa tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): ☐ có ☐ không

6. Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn

- Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa	☐	+ Tiêu chuẩn cơ bản	☐
+ Phân loại	☐	+ Yêu cầu an toàn	☐
+ Ký hiệu	☐	+ Yêu cầu về môi trường	☐
+ Thông số và kích thước cơ bản	☐	+ Lấy mẫu	☐
+ Yêu cầu kỹ thuật	☐	+ Phương pháp thử và kiểm tra	☐
+ Tiêu chuẩn về quá trình	☐	+ Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	☐
+ Tiêu chuẩn về dịch vụ	☐	+ Các khía cạnh và yêu cầu khác (ghi cụ thể ở dưới):	☐

.....

.....

- Bố cục, nội dung các phần chính của TCVN dự kiến:

.....

.....

- Nhu cầu khảo nghiệm tiêu chuẩn quốc gia trong thực tế: ☐ có ☐ không

(nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

7. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng TCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới	☐	+ Sửa đổi, bổ sung	☐
+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế	☐	+ Thay thế	☐

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN (bản chụp kèm theo)

.....

.....

8. Kiến nghị thành lập Ban kỹ thuật (hoặc Tiểu ban kỹ thuật) xây dựng TCVN

.....

.....

9. Cơ quan phối hợp

- Tổ chức, cá nhân xây dựng dự thảo đề nghị:

.....

- Ban kỹ thuật tiêu chuẩn có liên quan phải lấy ý kiến:

.....

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lấy ý kiến:

.....

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Biên soạn dự thảo TCVN		
2	Lấy ý kiến		
3	Hội thảo, hội nghị chuyên đề		
4	Hoàn chỉnh dự thảo TCVN và lập hồ sơ dự thảo TCVN		
5	Thẩm tra hồ sơ dự thảo TCVN		
6	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN để thẩm định		
7	Thẩm định dự thảo TCVN		
8	Lập hồ sơ TCVN trình duyệt		
9	Trình duyệt và công bố		

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước .....

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:..... (ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác: .....

b) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (kèm theo)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án TCVN

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục V

TRÌNH BÀY VÀ THỂ HIỆN NỘI DUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. BỐ CỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Bố cục của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm những phần chính sau:

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Phần này xác định rõ các sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình (đối tượng quy chuẩn kỹ thuật) phải tuân thủ các quy định kỹ thuật và quy định quản lý nêu tại quy chuẩn kỹ thuật.

1.2. Đối tượng áp dụng

Phần này xác định rõ đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đến sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình.

1.3. Tài liệu viện dẫn

Phần này nêu tên các tài liệu (tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam...) đã được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật.

1.4. Giải thích từ ngữ

Phần này giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong quy chuẩn kỹ thuật.

1.5. Chữ viết tắt

Phần này liệt kê các thuật ngữ viết tắt trong quy chuẩn kỹ thuật và các ký hiệu cần thiết để hiểu rõ hơn về quy chuẩn kỹ thuật. Nội dung này có thể kết hợp với phần 1.4 (Giải thích từ ngữ) vào một phần chung có tên gọi thích hợp.

2. Quy định kỹ thuật

Phần này viện dẫn tiêu chuẩn hoặc đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cụ thể về mức giới hạn của đặc điểm kỹ thuật mà đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải tuân thủ để bảo đảm các mục tiêu quản lý nhà nước thiết yếu.

3. Phương pháp đo kiểm

Phần này quy định phương pháp đo kiểm cụ thể đối với từng yêu cầu kỹ thuật nêu tại phần 2 (Quy định kỹ thuật). Các phương pháp đo kiểm phải đầy đủ, rõ ràng các nội dung: lấy mẫu; phương pháp đo kiểm; xử lý kết quả đo.

Tùy theo tính chất của quy chuẩn kỹ thuật mà có thể trình bày phương pháp đo kiểm lồng trong phần 2 (Quy định kỹ thuật). Trong trường hợp này mỗi yêu cầu kỹ thuật đi kèm với phương pháp đo kiểm tương ứng.

4. Quy định về quản lý

Phần này đề cập các quy định quản lý đối với đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật. Cần xác định rõ:

- Đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải được quản lý bằng hình thức nào (chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy hoặc hình thức khác). Đối với chứng nhận hợp quy, nêu rõ phương thức đánh giá sự phù hợp; đối với công bố hợp quy, nêu rõ cơ sở để công bố hợp quy (là kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận hay là kết quả tự đánh giá trên cơ sở kết quả đo kiểm của Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc kết quả đo kiểm của Phòng thử nghiệm được công nhận).

- Phương thức kiểm tra: Các quy định về kiểm tra sản phẩm, dịch vụ, quá trình (ví dụ như kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, thủ tục và cách thức kiểm tra...).

- Quy định quản lý khác (các yêu cầu về ghi nhãn, sử dụng, vận hành...).

- Quy định về giám sát và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân (nếu có)

6. Tổ chức thực hiện (nếu có)

7. Phụ lục (nếu có)

Phụ lục gồm các phụ lục "Tham khảo" và phụ lục "Quy định" và phải ghi rõ phụ lục nào là tham khảo, phụ lục nào là quy định.

8. Thư mục tài liệu tham khảo

Phần này các tài liệu đã được tham khảo để xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm cả các tiêu chuẩn quốc tế đã được chấp nhận áp dụng.

9. Mục lục

Mục lục đặt sau trang bìa và trước trang Lời nói đầu.

II. TRÌNH BÀY QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Việc trình bày quy chuẩn kỹ thuật phải bảo đảm tính hệ thống, hiệu lực pháp lý và không được trái với văn bản pháp luật liên quan. Ngôn ngữ của quy chuẩn kỹ thuật phải nhất quán, chính xác, phổ thông; cách diễn đạt phải đơn giản, dễ hiểu. Các thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung phải được định nghĩa trong văn bản. Các từ viết tắt phải được giải thích. Các hình vẽ phải rõ ràng.

Viện dẫn phải bảo đảm xác định chính xác nội dung viện dẫn (các điều, khoản cụ thể), hoặc trong trường hợp cần thiết thì trích nội dung viện dẫn vào quy chuẩn. Tên tài liệu viện dẫn phải có trong phần 1.3 (Tài liệu viện dẫn).

2.1. Trang bìa quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Quy chuẩn kỹ thuật phải có trang bìa trước và trang bìa sau.

- Mẫu trình bày trang bìa quy chuẩn kỹ thuật được quy định theo Mẫu 1, bao gồm các yếu tố sau đây:

+ Hình quốc huy nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Dòng chữ "Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam";

+ Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật: **QCVN XXX:YYYY/BTTTT**

Với XXX là số hiệu của quy chuẩn kỹ thuật;

YYYY là năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

BTTTT là chữ viết tắt Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Dòng chữ "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia";

+ Tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật;

+ Tên gọi đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật bằng tiếng Anh;

+ Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Mẫu 1

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)

QCVN XXX: 2010/BTTTT (3)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (4)
VỀ ĐƯỜNG DÂY THUÊ BAO (5)

National technical regulation on subscriber lines (6)

HÀ NỘI - 2010 (7)

Chú thích Mẫu 1:

(1)	Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
(2)	Dòng chữ "Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam" Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
(3)	Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(4)	Dòng chữ "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia" Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(5)	Tên của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Việt Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(6)	Tên đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại Mục (4) và Mục (5) Kiểu chữ in thường theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
(7)	Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

- Trang 2 của quy chuẩn kỹ thuật là trang thể hiện lời nói đầu trong đó ghi rõ tổ chức biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan trình duyệt và cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật, số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật và các nội dung khác có liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Ví dụ về thể hiện lời nói đầu:

Lời nói đầu

Các quy định kỹ thuật và phương pháp thử của QCVN xxx: 2010/BTTTT phù hợp với (tên tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận nguyên vẹn)...

QCVN xxx: 2010/BTTTT do (Tên đơn vị hoặc ban soạn thảo được thành lập) biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số...../2010/TT-BTTTT ngày... tháng.... năm 2010.

- Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nếu cần thiết.

2.2. Phần trống đầu trang (header) của các trang nội dung quy chuẩn kỹ thuật (trừ trang 3) in ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật tại vị trí phía bên phải của trang đối với các trang lẻ và phía bên trái của trang đối với các trang chẵn. Kiểu chữ của ký hiệu in hoa, in đậm theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode).

2.3. Nguyên tắc đánh số thứ tự các hạng mục nội dung của quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

3. Thể thức trình bày quy chuẩn kỹ thuật:

- Khổ giấy của quy chuẩn kỹ thuật là khổ A4 (210 mm x 297 mm), sai số kích thước cho phép là ± 0,5 mm.

- Phần nội dung (bản văn) của quy chuẩn kỹ thuật được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ thực hiện theo phông chữ Arial, cỡ chữ từ 12 đến 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1 cm đến 1,27 cm (1 default tab); khoảng cách giữa các đoạn văn (paragraph) đặt tối thiểu là 6 pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn tối thiểu từ cách dòng đơn (single line spacing) hoặc từ 15 pt (exactly line spacing) trở lên.

- Số trang quy chuẩn kỹ thuật được tính từ trang bìa trước cho đến trang cuối cùng của quy chuẩn. Số trang quy chuẩn kỹ thuật được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật tại chính giữa phần cuối trang giấy, trừ trang bìa.

- Ký hiệu và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật ở góc ngoài phía mở của trang.

4. Khi thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật, tham khảo các hướng dẫn quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2.

Phụ lục VI
THUYẾT MINH DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Khái niệm

Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN là tài liệu giải thích nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia đánh giá, thẩm định dự thảo QCVN/TCVN có nhận xét xác đáng về nội dung, mục đích, ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi của QCVN/TCVN và trên cơ sở đó Cơ quan quản lý có quyết định đúng đắn về việc ban hành, công bố và áp dụng QCVN/TCVN.

Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN cũng là tài liệu giúp người sử dụng nghiên cứu và hiểu rõ về các nội dung của QCVN/TCVN sau khi được ban hành, công bố.

2. Các nội dung chính của Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN

2.1. Tên gọi và ký hiệu của QCVN/TCVN

2.2. Đặt vấn đề

Tóm tắt đặc điểm, tình hình đối tượng tiêu chuẩn hóa ngoài nước, trong nước, lý do và mục đích xây dựng QCVN/TCVN.

2.3. Sở cứ xây dựng các yêu cầu kỹ thuật

- Tổng hợp, phân tích các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu liên quan tới đối tượng tiêu chuẩn hóa.

- Lựa chọn tài liệu làm cơ sở cho việc biên soạn các yêu cầu kỹ thuật. Trong trường hợp chấp nhận nguyên vẹn một tiêu chuẩn quốc tế, phải phân tích rõ khả năng áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ở Việt Nam.

2.4. Giải thích nội dung QCVN/TCVN

Tóm tắt các nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) của QCVN/TCVN; tương ứng với mỗi nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) cần nêu rõ sự gắn kết với các mục tiêu quản lý.

2.5. Bảng đối chiếu nội dung QCVN/TCVN với các tài liệu tham khảo

Trình bày một bảng đối chiếu nội dung của QCVN/TCVN với các tài liệu tham khảo (các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu đã được sử dụng làm cơ sở cho việc biên soạn QCVN/TCVN), trong đó thể hiện đối chiếu những đề mục của QCVN/TCVN với tài liệu tham khảo và những điểm sửa đổi, bổ sung về nội dung nếu có (mẫu 2).

Mẫu 2

Bảng đối chiếu nội dung QCVN/TCVN và tài liệu tham khảo

Tên QCVN/TCVN	Tài liệu tham khảo	Sửa đổi, bổ sung
1. Quy định chung		
1.1. Phạm vi điều chỉnh		Tự xây dựng
1.2. Đối tượng áp dụng		Tự xây dựng
1.3. Tài liệu viện dẫn	EN 300 xxx, điều 2	Chấp nhận nguyên vẹn
1.4. Giải thích từ ngữ	EN 300 xxx, điều 3	Chấp nhận nguyên vẹn
2. Quy định kỹ thuật		
2.1. Các yêu cầu kỹ thuật chung	EN 300 xxx, điều 4.1	Chấp nhận nguyên vẹn
2.2. Các yêu cầu kỹ thuật...	EN 300 xxx, điều 4.2	Đã sửa đổi:... (nêu những điểm sửa đổi)
2.3. Các yêu cầu kỹ thuật...	EN 300 xxx, điều 4.3	Chấp nhận nguyên vẹn
3. Phương pháp đo kiểm	EN 300 xxx, điều 5	Đã sửa đổi tại mục 5.x.x... (nêu những điểm sửa đổi)
4. Quy định quản lý		Tự xây dựng
Phụ lục A (bắt buộc)...	EN 300 xxx, Appendix A (normative)	Chấp nhận nguyên vẹn
Phụ lục B (tham khảo)...	EN 300 xxx, Appendix B (informative)	Chấp nhận nguyên vẹn

2.6. Khuyến nghị áp dụng QCVN/TCVN

Trình bày các khuyến nghị liên quan đến việc áp dụng QCVN/TCVN, bao gồm cả các vấn đề cần lưu ý trong quá trình áp dụng QCVN/TCVN và kiến nghị các hướng phát triển tiếp theo.

Phụ lục VII

MẪU PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DỰ THẢO QCVN/TCVN

Tên dự thảo QCVN/TCVN:

Cơ quan/ban kỹ thuật biên soạn:

Mã số đề tài (nếu thực hiện dưới dạng đề tài):

Chủ trì đề tài (nếu thực hiện dưới dạng đề tài):

Cơ quan (người) được trưng cầu ý kiến:

Chức danh khoa học:

Ngày nhận được bản dự thảo QCVN/TCVN:

1. Nhận xét: ghi lần lượt các nhận xét sau đây

- Sự phù hợp của dự thảo QCVN/TCVN với mục tiêu đề ra ban đầu trong Dự án xây dựng QCVN/TCVN

- Nhận xét về hồ sơ QCVN/TCVN (có đầy đủ và đúng thủ tục không)

- Nhận xét về sở cứ của các yêu cầu kỹ thuật được đề xuất

- Nhận xét về mức độ tương đương giữa dự thảo QCVN/TCVN với các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực có cùng đối tượng tiêu chuẩn hóa

- Nhận xét về tính khả thi của dự thảo QCVN/TCVN trong điều kiện Việt Nam.

2. Đề nghị sửa đổi, bổ sung chi tiết: liệt kê các điểm đề nghị sửa đổi bổ sung chi tiết kèm theo lý do và giải pháp đề xuất.

3. Kết luận:

- Kiến nghị về khả năng ban hành và áp dụng QCVN/TCVN.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Cơ quan (người) được trưng cầu ý kiến
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VIII

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ THẢO QCVN/TCVN

(Dành cho thành viên Hội đồng thẩm định QCVN/TCVN)

Tên dự thảo QCVN/TCVN:

Cơ quan/ban kỹ thuật biên soạn:

Mã số đề tài (nếu thực hiện theo đề tài):

Chủ trì đề tài (nếu thực hiện theo đề tài):

Họ tên người đánh giá:

Cơ quan:

Chức danh khoa học:

1. Nội dung đánh giá

1.1. Về phạm vi và nội dung:

(đánh giá sự tương xứng giữa các yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu quản lý Nhà nước đối với đối tượng QCVN/TCVN đang xem xét)

1.2. Hồ sơ QCVN/TCVN:

(đánh giá tính đầy đủ và đúng thủ tục của hồ sơ QCVN/TCVN)

1.3. Sở cứ của các yêu cầu kỹ thuật:

(đánh giá về tính phù hợp của các sở cứ kỹ thuật, tài liệu viện dẫn)

1.4. Sự phù hợp với thực tế:

(chỉ rõ các yêu cầu kỹ thuật, quy định không phù hợp với thực tế nếu có)

1.5. Mức độ tương đương với tiêu chuẩn quốc tế:

(Chỉ rõ mức độ tương đương với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan)

1.6. Các khó khăn gặp phải khi áp dụng QCVN/TCVN:

(Nhận xét về tính khả thi của dự thảo QCVN/TCVN trong điều kiện Việt Nam)

2. Các yêu cầu kỹ thuật cần sửa đổi, bổ sung

(liệt kê chi tiết cùng lý do và giải pháp đề xuất)

3. Kết luận

- Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ với kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

(Nếu không đồng ý, nêu rõ lý do)

.....

.....

- Nhất trí ☐ Không nhất trí ☐ kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn chỉnh dự thảo QCVN/TCVN để thẩm định, ban hành, công bố.

(Nếu không nhất trí, đề xuất giải pháp hiệu chỉnh dự thảo QCVN/TCVN để có thể ban hành, công bố; hoặc hướng triển khai tiếp theo)

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX

MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ THẢO QCVN/TCVN

1. Tên dự thảo QCVN/TCVN:

Cơ quan/ban kỹ thuật biên soạn:

Mã số đề tài (nếu thực hiện theo đề tài):

Chủ trì đề tài (nếu thực hiện theo đề tài):

2. Ngày họp Hội đồng:

3. Địa điểm họp Hội đồng:

4. Thành phần Hội đồng (Theo Quyết định số....)

- Số có mặt:

- Số vắng mặt:

- Chủ tịch Hội đồng:

5. Thư ký Hội đồng giới thiệu đại biểu, tóm tắt quá trình xây dựng dự thảo QCVN/TCVN

6. Chủ tịch Hội đồng đề xuất và thông qua nội dung chương trình làm việc

7. Đại diện ban soạn thảo QCVN/TCVN báo cáo nội dung dự thảo QCVN/TCVN, việc tiếp thu các ý kiến đóng góp qua các lần trưng cầu ý kiến

8. Ý kiến nhận xét của các phản biện

9. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và các đại biểu

10. Chủ tịch Hội đồng kết luận chung và kiến nghị:

- Sự đáp ứng của dự thảo QCVN/TCVN đối với mục tiêu quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

- Sở cứ khoa học của dự thảo QCVN/TCVN

- Sự phù hợp với điều kiện thực tế của dự thảo QCVN/TCVN

- Kiến nghị các sửa đổi bổ sung cụ thể cần thực hiện (nếu có)

- Kiến nghị về việc ban hành

11. Tổng hợp kết quả các Phiếu thẩm định

- Đồng ý với kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

- Các ý kiến khác:

- Đánh giá kết quả đề tài:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và ban hành dự thảo QCVN/TCVN:

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thư ký Hội đồng	Chủ tịch Hội đồng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng